

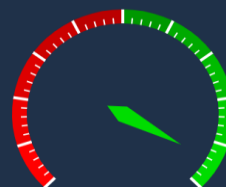
# NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

## PSI DAILY REPORT

TỔNG HỢP: **MUA MẠNH**

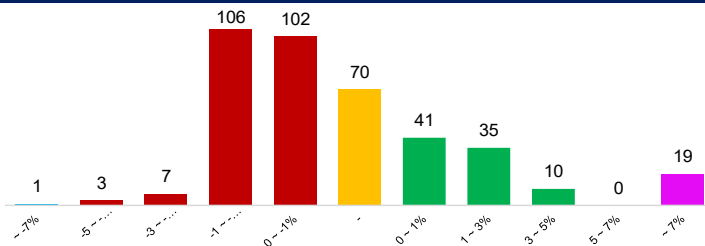
Đường trung bình: **MUA MẠNH** Mua (12) Bán(0)  
 Chỉ số kỹ thuật: **MUA MẠNH** Mua (4) Bán (1)

\* Dữ liệu được tính toán tự động theo thời gian thực



| 08/12/2025          | HSX      | HNX     | UPCOM   |
|---------------------|----------|---------|---------|
| Chỉ số Index        | 1,753.74 | 258.68  | 120.05  |
| Tăng/ giảm điểm     | ▲ 12.42  | ▼ -1.97 | ▼ -0.44 |
| KLGD (triệu CP)     | 741      | 54      | 42      |
| GTGD (tỷ VNĐ)       | 21,497.4 | 1,172.7 | 542.0   |
| Khối ngoại (tỷ VNĐ) | -1,839.6 | -45.5   | -21.7   |

ĐỘ RỘNG SÀN HSX



HIỆU SUẤT CÁC NHÓM NGÀNH 8/12

| Ngành                      | Tăng/Giảm % | Đóng góp Index |
|----------------------------|-------------|----------------|
| Bất động sản               | 4.18%       | 19.08          |
| Thực phẩm và đồ uống       | 0.82%       | 0.83           |
| Dịch vụ tài chính          | 0.76%       | 0.66           |
| Bảo hiểm                   | 5.22%       | 0.61           |
| Điện, nước & xăng dầu khí  | 0.80%       | 0.53           |
| Du lịch và Giải trí        | 0.58%       | 0.52           |
| Dầu khí                    | 0.36%       | 0.11           |
| Truyền thông               | 0.88%       | 0.01           |
| Y tế                       | -0.31%      | -0.03          |
| Ô tô và phụ tùng           | -0.61%      | -0.05          |
| Hàng cá nhân & Gia dụng    | -1.06%      | -0.14          |
| Xây dựng và Vật liệu       | -0.43%      | -0.14          |
| Bán lẻ                     | -0.55%      | -0.21          |
| Công nghệ Thông tin        | -0.67%      | -0.27          |
| Tài nguyên Cơ bản          | -0.80%      | -0.44          |
| Hóa chất                   | -1.32%      | -0.63          |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -1.96%      | -1.31          |
| Ngân hàng                  | -0.89%      | -5.22          |

BIỂU ĐỒ KỸ THUẬT



\*Hỗ trợ gần nhất: 1,685 - 1,700 điểm  
 \*\*Kháng cự gần nhất: 1,740 - 1,750 điểm.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NGÀY

VN-Index duy trì xu hướng tăng với cây nến có bóng dưới dài cho thấy lực cầu vẫn hiện diện. Chỉ số đóng cửa sát vùng kháng cự quan trọng quanh 1.755–1.765, trong bối cảnh thanh khoản suy giảm nhẹ so với trung bình. Các đường MA20, MA50 tiếp tục hướng lên xác nhận xu hướng tăng ngắn và trung hạn, trong khi RSI và Stoch RSI đã rơi vào vùng quá mua, làm gia tăng rủi ro rung lắc. Áp lực bán rong từ khối ngoại là yếu tố cần theo dõi sát trong phiên tới.

# NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

## PSI DAILY REPORT

### GIÁ TRỊ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA/BÁN RÒNG (TỶ)



### DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ CỔ PHIẾU NGẮN HẠN

| Mã  | Giá mua | Giá cắt lỗ | Giá mục tiêu | %LN    | Trạng thái |
|-----|---------|------------|--------------|--------|------------|
| ACB | 24.70   | 23.00      | 27.70        | -2.43% | Nắm giữ    |
| HPG | 26.50   | 24.70      | 29.70        | -0.38% | Nắm giữ    |
| DIG | 20.95   | 19.50      | 23.50        | -5.49% | Nắm giữ    |

### CÁC SẢN PHẨM KHÁC CỦA TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

VIỆT NAM TRONG “CƠN LỐC” THUẾ ĐỐI ỨNG 46% >>> [Xem tại đây](#)

Báo cáo Chiến lược đầu tư 2025 - Kỳ nguyên vẹn mình >>> [Xem tại đây](#)

CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI 2.0: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC >>> [Xem tại đây](#)

Báo cáo triển vọng giá dầu và cổ phiếu dầu khí 2024 - 2025 >>> [Xem tại đây](#)

BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH ĐẦU TƯ CÔNG >>> [Xem tại đây](#)

### TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.

### DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU GIÁ TRỊ

| Mã cổ phiếu | Tăng trưởng doanh thu |      |      | Tăng trưởng lợi nhuận |      |      | KLGD trung bình 3 tháng (cp) | ROE TTM | ROA TTM | P/E TTM | P/B TTM |
|-------------|-----------------------|------|------|-----------------------|------|------|------------------------------|---------|---------|---------|---------|
|             | 2022                  | 2023 | 2024 | 2022                  | 2023 | 2024 |                              |         |         |         |         |
| BID         | 20%                   | 0%   | 3%   | 69%                   | 20%  | 17%  | 7,210,938                    | 17.60%  | 0.91%   | 11.49   | 1.89    |
| MBB         | 37%                   | 7%   | 6%   | 37%                   | 16%  | 9%   | 29,971,678                   | 21.36%  | 2.13%   | 9.26    | 1.85    |
| CTG         | 14%                   | 11%  | 18%  | 19%                   | 18%  | 27%  | 9,397,336                    | 19.97%  | 1.24%   | 9.24    | 1.71    |
| ACB         | 24%                   | 6%   | 11%  | 43%                   | 17%  | 5%   | 15,975,150                   | 20.17%  | 1.96%   | 8.91    | 1.73    |
| SHB         | 13%                   | 10%  | 10%  | 54%                   | -5%  | 27%  | 85,528,584                   | 18.34%  | 1.43%   | 7.78    | 1.35    |
| HDB         | 30%                   | 23%  | 39%  | 27%                   | 26%  | 28%  | 23,798,999                   | 25.21%  | 2.02%   | 8.12    | 1.87    |
| MSB         | 34%                   | 10%  | 11%  | 14%                   | 1%   | 19%  | 19,606,359                   | 13.65%  | 1.60%   | 8.90    | 1.15    |
| STB         | 43%                   | 29%  | 11%  | 48%                   | 53%  | 31%  | 12,981,945                   | 20.70%  | 1.54%   | 9.40    | 1.82    |
| PVT         | 21%                   | 6%   | 23%  | 39%                   | 6%   | 20%  | 4,132,282                    | 13.86%  | 5.45%   | 7.86    | 1.05    |
| QNS         | 13%                   | 21%  | 2%   | 3%                    | 70%  | 9%   | 229,837                      | 21.22%  | 14.78%  | 8.26    | 1.73    |

### DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

| Mã cp | Tỷ suất cổ tức |      |      | Nợ vay tài chính /VCSH | KLGD trung bình 3 tháng (cp) | ROE TTM | ROA TTM | P/E TTM | P/B TTM |
|-------|----------------|------|------|------------------------|------------------------------|---------|---------|---------|---------|
|       | 2022           | 2023 | 2024 |                        |                              |         |         |         |         |
| DCM   | 6%             | 9%   | 6%   | 0.13                   | 3,869,502                    | 14.74%  | 9.16%   | 12.55   | 1.77    |
| DPM   | 15%            | 22%  | 6%   | 0.31                   | 3,793,607                    | 4.25%   | 2.87%   | 33.57   | 1.43    |
| GAS   | 5%             | 6%   | 10%  | 0.05                   | 1,049,249                    | 16.96%  | 12.13%  | 15.21   | 2.57    |
| NT2   | 9%             | 14%  | 9%   | 0.24                   | 1,037,942                    | 6.79%   | 3.06%   | 20.81   | 1.45    |
| SAB   | 7%             | 5%   | 7%   | 0.02                   | 1,450,977                    | 17.17%  | 12.56%  | 15.23   | 2.61    |
| VNM   | 7%             | 7%   | 7%   | 0.26                   | 4,733,510                    | 26.63%  | 15.80%  | 15.19   | 3.95    |
| QNS   | 7%             | 7%   | 9%   | 0.27                   | 354,059                      | 23.35%  | 16.14%  | 10.56   | 1.14    |
| QTP   | 12%            | 17%  | 11%  | 0.04                   | 557,688                      | 10.71%  | 7.82%   | 7.02    | 1.85    |
| VEA   | 12%            | 11%  | 13%  | 0.00                   | 72,551                       | 25.66%  | 24.42%  | 17.58   | 1.77    |
| PVI   | 6%             | 5%   | 6%   | 0.02                   | 3,869,502                    | 10.23%  | 2.49%   | 12.55   | 1.77    |

### TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.